TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114**/2021/HC-PT
Ngày 23 tháng 4 năm 2021
V/v : Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 258/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về thu hồi, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2019/HCST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3307/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khu BT2, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Khu BT2, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Đức Long, Văn phòng luật sư Đức Tín, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

2. Người bị kiện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (UBND) thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Th - Chức vụ: Phó chủ tịch, (theo văn bản ủy quyền số 921/UQ ngày 20/4/2021). Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Số 3, Trần Hưng Đạo, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Thành - Chức vụ: Phó chủ tịch; Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Chủ tịch UBND phường PĐ và UBND phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh Tâm - chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường PĐ. Vắng mặt.

3.3. Chị Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1979; Nơi cư trú*:* Khu BT2, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Dung, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Khu BT2, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/01/2019 và tại các bản tự khai, đối thoại, phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Vũ T có diện tích đất tại khu BT2, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 18/12/1980, trên đất có nhà ở. Nguồn gốc do ông K bà O chuyển nhượng cho ông T. Năm 1988 ông Vũ T đã được cấp giấy phép xây dựng diện tích đất 136,5m^2, cách mép đường 18A là 20m. Năm 1992, thực hiện đo vẽ bản đồ giải thửa đã tách diện tích đất trên thành 02 thửa (trong đó thửa 128 diện tích 95m^2 nằm trong hành lang an toàn giao thông và thửa 131 diện tích 225m^2 nằm ngoài hành lang an toàn giao thông) thuộc tờ bản đồ số 17 thôn BT2, xã PĐ. Diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông được gia đình ông T sử dụng làm sân, lối đi và trồng cây bóng mát.

Năm 1996 - 1998, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A và năm 2003 thực hiện làm đường nước sạch, nhà nước đã tiến hành giải phóng mặt bằng, khoảng cách từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng là 7,9m, trong đó có đất của ông T 2,4m thuộc đất hành lang an toàn giao thông và đã được đền bù giải phóng mặt bằng xong.

Năm 2004, ông Vũ T đã chuyển nhượng cho anh C 53,3m^2 đất ở (rộng 4,1m x dài 13m, cách đường 18A là 20m) trong tổng số 136,5m^2 của ông T. Anh C đã được UBND thành phố UB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 04/8/2015, UBND thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 4791/QĐ-UBND thu hồi 16,8m^2 phần đất thuộc hành lang giao thông phía trước thửa đất số 128 bản đồ giải thửa năm 1992 của anh C để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 18A giai đoạn 2 và ban hành Quyết định số 4792/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với anh C số tiền 25.804.146đ. Ngày 16/3/2017, UBND thành phố UB đã ban hành

Quyết định số 942/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường đối với anh C số tiền 122.640.000đ.

Không đồng ý với việc xác định diện tích đất thu hồi và xác định loại đất thu hồi nên anh C đã có đơn đề nghị tới UBND phường PĐ và đã được UBND phường PĐ ban hành Văn bản số 154/UBND ngày 05/5/2017 trả lời nhưng anh C không đồng ý và đã có đơn khiếu nại yêu cầu phải xác định loại đất thu hồi là đất ở, diện tích đất thu hồi là 20,4m^2 và phải bồi thường theo giá đất ở.

Ngày 02/8/2017, Chủ tịch UBND phường PĐ đã ban hành Quyết định số 256/QĐ-CT không chấp nhận nội dung khiếu nại của anh Nguyễn Văn C. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường PĐ, anh C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố UB.

Ngày 22/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố UB ban hành Quyết định số 6861/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với anh C và không chấp nhận khiếu nại của anh C.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố UB, anh C đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 6861/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố UB về việc giải quyết khiếu nại đối với anh Nguyễn Văn C;

- Xác định diện tích đất thu hồi là 20,4m^2 là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

Người bị kiện trình bày: Căn cứ hồ sơ giải phóng mặt bằng năm 1996 – 1998, hồ sơ thi công đường nước năm 2003 và bản chứng nhận nhà đất của UBND phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh lập ngày 06/7/2015 được bổ sung ngày 15/2/2017, kết quả xác minh cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh C thể hiện: Diện tích đất của anh C đang sử dụng năm 1992 được tách làm 02 thửa trong đó có 01 thửa nằm trong hành lang an toàn đường bộ tiếp giáp quốc lộ 18A và 01 thửa phía bên trong nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, năm 2004 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 53,3m^2 đất ở. Năm 1996 - 1998, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A, thửa đất anh C hiện sử dụng đã bị giải phóng mặt bằng có chỉ giới giải phóng mặt bằng tính từ tim đường là 7,4m (không tính năm 2003 giải phóng mặt bằng lấy thêm vào 0,5m) và được đền bù theo giá đất ở. Năm 2015, tiếp tục thực hiện mở rộng quốc lộ 18A giai đoạn 2 đã lấy diện tích đất hành lang an toàn giao thông do anh C sử dụng tính từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng có kích thước 10,76m, sau khi xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng đã trừ đi phần đã giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 là 6,5m (năm 1996-1998 kích thước là 7,4m và năm 2003 là 0,3m nhưng UBND thành phố UB chỉ tính 6,5m) và xác định diện tích bồi thường 16,8m^2 là có lợi cho người có đất bị thu hồi đất.

Đối với việc xác định loại đất thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng 16,8m^2 thuộc đất hành lang an toàn giao thông không thuộc diện tích đất ở và

ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được xác định là đất trồng cây lâu năm. Ngoài việc bồi thường về đất, tài sản trên đất thì người sử dụng đất còn được hỗ trợ bằng giá trị 50% giá đất ở theo Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 và Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Do vậy, việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và giải quyết khiếu nại với nội dung như trên là đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày

- UBND thành phố UB, Chủ tịch và UBND phường PĐ thống nhất với quan điểm của người bị kiện và không có yêu cầu độc lập.

- Chị Phạm Thị Hải Y thống nhất với quan điểm của người khởi kiện và không có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, người bị kiện cung cấp Quyết định số 919/QĐ - UBND ngày 04/3/2019 của UBND thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh *"Về việc thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Bắc Ninh - UB (Đoạn qua địa phận thành phố UB) của hộ gia đình anh Nguyễn Văn C tại khu BT2, phường PĐ, thành phố UB"* có nội dung thu hồi số tiền 39.905.460đ của hộ anh Nguyễn Văn C với lý do: Do hội đồng đăng ký đất đai phường PĐ xét duyệt lại nguồn gốc sử dụng đất, giảm diện tích đủ điều kiện bồi thường hỗ trợ so với diện tích đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 4792/QĐ-UBND ngày 04/8/2015 và Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND thành phố UB.

Ngày 06/11/2019 UBND thành phố UB ban hành Quyết định số 9061/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 *"Về việc thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Bắc Ninh - UB (đoạn qua địa phận thành phố UB) của hộ gia đình anh Nguyễn Văn C tại khu BT2, phường PĐ, thành phố UB"* và có quan điểm để có lợi cho người có đất bị thu hồi cũng như ổn định các quyết định trước đây đã được thi hành .

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 65/2019/HCST ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, 194 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 11, 204 Luật Đất đai 2013; Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6861/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố UB về việc giải quyết khiếu nại đối với anh Nguyễn Văn C và bác yêu cầu xác định tổng diện tích đất thu hồi 20,4m^2, xác định đất thu hồi là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2019, người khởi kiện anh Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện anh Nguyễn Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu trong đơn kháng cáo;

- Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố UB và UBND thành phố UB có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định những người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2019/HCST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 25/6/2018 anh Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 6861/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố UB về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với anh. Xét thấy: Bản án sơ thẩm số 65/2019/HCST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Xác định đúng và đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.2] Anh Nguyễn Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm vào ngày 03/12/2019 là trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; hình thức và nội dung đơn kháng cáo của anh C là hợp lệ nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND thành phố UB có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND phường PĐ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung.

Ngày 04/8/2015, UBND thành phố UB tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định thu hồi đất số 4791/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 4792/QĐ-UBND đối với anh Nguyễn Văn C. Không đồng ý với diện tích và việc xác định loại đất bồi thường nên anh C đã có văn bản kiến nghị. UBND phường PĐ có văn bản số 154/UBND ngày 5/5/2017 trả lời nhưng anh C đã khiếu nại văn bản này. Ngày 02/8/2017, Chủ tịch UBND phường PĐ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 256/QĐ-CT. Anh C tiếp tục khiếu nại; ngày 22/11/2017 Chủ tịch UBND thành phố UB ban hành Quyết định số 6861/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại lần 2. Như vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND thành phố UB số 6861/QĐ-UBND là quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 14 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

Bản án sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp của các Quyết định: Số 4791/QĐ-UBND, số 4792/QĐ-UBND, số 256/QĐ-CT và văn bản số 154/UBND là các quyết định có liên quan đến Quyết định bị khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính là chính xác, đảm bảo xem xét một cách đầy đủ và toàn diện khi giải quyết vụ án.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 6861/QĐ - UBND và các Quyết định liên quan gồm Quyết định số 4791/QĐ - UBND, Quyết định số 4792/QĐ-UBND, Quyết định số 256/QĐ-CT và văn bản số 154/UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục về thu hồi đất, lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng quy định tại Điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai và việc giải quyết khiếu khiếu nại được thực hiện theo đúng Điều 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại. Các bên đương sự đều thống nhất về trình tự, thủ tục, thẩm quyền nên phù hợp với pháp luật.

[3.2] Về hình thức và căn cứ viện dẫn trong các quyết định:

Quyết định số 6861/QĐ-UBND và các Quyết định hành chính liên quan gồm: Quyết định số 4791/QĐ-UBND, Quyết định số 4792/QĐ-UBND, Quyết định số 256/QĐ-CT và văn bản số 154/UBND đều được ban hành tuân thủ đúng về hình thức; các quy định pháp luật được viện dẫn, áp dụng đều là những văn bản pháp luật đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành Quyết định.

[3.3] Về nội dung của các quyết định.

[3.3.1] Căn cứ xác định diện tích đất thu hồi, giải phóng mặt bằng.

Theo bản đồ giải thửa năm 1992, khi thực hiện xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng thì diện tích đất thực tế ông Vũ T đã được tách thành 02 thửa trong đó có 01 thửa thuộc hành lang an toàn giao thông *(sổ mục kê năm 1992 ghi thửa đất này là loại ruộng đất GT)* và diện tích đất còn lại ngoài hành lang an

toàn giao thông, trên đất có nhà ở, thuộc thửa 128. Năm 1996, 1998 khi nhà nước lấy một phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông để mở rộng quốc lộ 18A đã xác định khoảng cách và vị trí, kích thước diện tích đất được lấy để mở rộng đường; theo biên bản lập ngày 07/12/1998 do ông Vũ Văn Thuận ký, thể hiện: Tính từ tim đường vào đến ranh giới đất của chủ hộ khi chưa giải phóng mặt bằng có khoảng cách gồm phần đường từ tim đường đến viên đá bó vỉa đường *(khi thực hiện thu hồi và bồi thường đất năm 2015 xác định theo tỷ lệ bản đồ giải thửa năm 1992 là 2,8m)* và tiếp đến phần đất lưu không 2,70m tính từ viên đá bó vỉa đường, tiếp theo khoảng cách 1,9m được xác định là mốc giới đất giải phóng mặt bằng. Như vậy, thời điểm năm 1996-1998 mốc giới giải phóng mặt bằng tính từ tim đường vào đến chỉ giới giải phóng mặt bằng là 7,4m; năm 2003 khi thực hiện giải phóng mặt bằng thi công đường nước sạch tiếp tục lấy vào 0,5m nên chỉ giới giải phóng mặt bằng đã xác lập có khoảng cách từ tim đường vào là 7,9m. Khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, UBND thành phố UB chỉ xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng 6,5m là có lợi cho người có đất bị thu hồi. Năm 2015, kích thước và chỉ giới giải phóng mặt bằng được thể hiện khoảng cách thực tế từ tim đường vào đến chỉ giới mặt bằng là 10,76m. Khi xác định diện tích đất được thu hồi UBND thành phố UB đã lấy kích thước tính từ tim đường vào đến mốc giới giải phóng mặt bằng là 10,76m trừ đi phần đã giải phóng mặt bằng thời điểm năm 1996-1998 là 6,5m (lẽ ra phải trừ 7,9m), từ đó xác định diện tích đất phải thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng của gia đình anh C = 16,8m^2 là đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình. Do đó, quan điểm của anh C và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh C yêu cầu bồi thường cả diện tích đất 3,6m^2 đã được bồi thường xong trước đây là không có căn cứ.

[3.3.2] Về căn cứ xác định loại đất bị thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.

Diện tích đất của anh C quản lý có nguồn gốc khai phá trước ngày 18/12/1980, do ông Vũ T chuyển nhượng cho anh C. Theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ thì diện tích đất đó có một phần thuộc hành lang an toàn giao thông. Năm 1992 khi lập bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/1000 đã được xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo quy định. Sau khi cắm mốc hành lang bảo vệ an toàn giao thông, phần diện tích đất của gia đình ông Vũ T được tách thành 02 phần gồm phần trong hành lang giao thông đường bộ và phần ngoài hành lang giao thông đường bộ. Đất ngoài hành lang giao thông được xác định là đất ở (thổ cư). Năm 2004, ông Vũ T đã chuyển nhượng cho anh C 53,3m^2 đất ở (thổ cư) thuộc thửa đất nằm ngoài hành lang an toàn giao thông đường bộ (hồ sơ chuyển nhượng 53,3m^2 đất ở cách đường 18A là 20m). Cùng năm 2004, anh C đã được UBND thị xã UB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh C không có ý kiến, không khiếu nại gì đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như việc xác định diện tích đất ở. Tại thời điểm xác định

phạm vi hành lang an toàn giao thông theo bản đồ giải thửa năm 1992 theo Thông tư số 185- TT/PC ngày 26/9/1983 hướng dẫn thi hành Điều lệ bảo vệ đường bộ quy định "*Để tận dụng đất đai trong hành lang bảo vệ. Điều lệ cho phép trồng cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp....Khi có yêu cầu mở rộng, cải tạo đường xá thì phải trả lại đất cho ngành giao thông vận tải trong thời gian ngắn nhất"*. Do đó, thời điểm năm 2015, thực hiện việc mở rộng Quốc lộ 18A giai đoạn hai UBND phường PĐ xác định diện tích đất thuộc thửa đất nằm trong hành lang an toàn giao thông của hộ anh C nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 2004 và không có một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai 2013 là đất trồng cây lâu năm và được UBND thành phố UB thu hồi bồi thường theo loại đất trồng cây lâu năm là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của người đang sử dụng đất.

- Đối với việc bồi thường giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998, 2003 được vận dụng chính sách pháp luật đất đai và bồi thường giải phóng mặt bằng tại thời điểm đó để bồi thường đất ở cho các hộ dân, việc bồi thường đã được thực hiện xong nên không xem xét lại và không phải là căn cứ để năm 2015 phải thực hiện theo. Do vậy, quan điểm của người khởi kiện yêu cầu UBND thành phố UB phải xác định diện tích đất thu hồi là đất ở và bồi thường theo giá đất ở giống như việc thu hồi đất giai đoạn năm 1996 - 1998 và 2003 là không có cơ sở.

[3.3.3] Về nội dung Quyết định số 6861/QĐ-UBND và các quyết định liên quan gồm các quyết định: Số 4791/QĐ-UBND, số 4792/QĐ-UBND, số 256/QĐ-CT và văn bản số 154/UBND:

Trên cơ sở xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất như trên, căn cứ bản đồ mặt bằng tuyến và ranh giới giải phóng mặt bằng tỷ lệ 1/1000 theo Quyết định 143/QĐ - UBND ngày 16/01/2015, UBND thành phố UB đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường có nội dung thu hồi 16,8m^2 đất trồng cây lâu năm, bồi thường giá trị tài sản trên đất và giá trị đất theo giá đất trồng cây lâu năm là đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất. Ngoài ra, UBND thành phố UB đã vận dụng Điều 25 Nghị định số 47/2014 để lập phương án bồi thường, hỗ trợ để hỗ trợ cho anh C bằng 50% giá đất ở với số tiền 122.460.000đ theo Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 07/12/2016, Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh là có lợi cho người có đất bị thu hồi nên nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố UB không chấp nhận khiếu nại của anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của anh C là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C đối với bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc

thẩm về việc bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là anh Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 65/2019/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002043 ngày 16/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND CC tại Hà Nội;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *UBND tỉnh Quảng Ninh*